

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN THÍCH

2. Ngày tháng năm sinh: 18/05/1975 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: **Kinh** ; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Số nhà 82 đường N2, khu Dân cư Mega Village, phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **Nguyễn Văn Thích, Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: **0944.315.315;**

E-mail: thichnv@hub.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ năm 2000 đến năm 2004	Giảng viên, Bộ môn Quản trị, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên
Từ năm 2005 đến năm 2009	Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Thông tin Kinh tế, Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tây Nguyên
Từ năm 2009 đến năm 2010	Học Thạc sĩ chương trình liên kết giữa Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Việt Nam) với trường Đại học Liège (vương quốc Bỉ)
Từ năm 2010 đến năm 2011	Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Thông tin Kinh tế, Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2012 đến năm 2017	Học NCS Tiến sĩ tại Đại học Adelaide, Úc
Từ năm 2017 đến 2019	Giảng viên, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh
Từ năm 2019 đến Nay	Giảng viên, kiêm chức Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Phó viện trưởng Viện NCKH &CNNH; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng Viện NCKH &CNNH

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Khoa học và Công Nghệ Ngân Hàng, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Địa chỉ cơ quan: 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 38291901

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng ĐH** ngày 25 tháng 09 năm 1998; số văn bằng: **B81852**;

+ Ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp;

+ Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Việt Nam

- **Được cấp bằng ThS** ngày 17 tháng 09 năm 2010; số văn bằng: 15/2011;

+ Ngành: Kinh tế Phát triển; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển và Xã Hội học Nông thôn;
+ Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Việt Nam) và trường Đại học Liège (Vương quốc Bỉ).

- **Được cấp bằng TS** ngày 31 tháng 07 năm 2017; số văn bằng: **18511BE6**;

+ Ngành: Quản trị Kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị chuỗi cung ứng;

+ Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Adelaide, Úc.**

+ Giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo số **002742/CNVB_TS**. Cấp ngày 12 tháng 01 năm 2018.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng Nghiên cứu 1.** Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Năng lực cạnh tranh (The competitiveness) như nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức/Doanh nghiệp, cũng như khả năng cạnh tranh của các tổ chức/ Doanh nghiệp.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn + NCS: **Không.**
+ ThS: số thứ tự 02 trong mục 4 (01/04)
- Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 01 trong mục 5 (01/04)
- Đề tài NCKH: số thứ tự 01 trong mục 6 (01/04)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [02], [03], [05], [06], [09], [11], [13], [15], [16], [19], [21], [29], [32], [33], [35], [37], [38], [40] và [43] trong mục 7 (**19/47**)

- **Hướng Nghiên cứu 2.** Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Hành vi khách hàng (Customer Behavior), bao gồm những vấn đề ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng, hành vi của nhân viên trong các tổ chức/ doanh nghiệp.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Hướng dẫn + NCS: **Không.**
+ ThS: số thứ tự 04 trong mục 4 (01/04)
- Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 02 trong mục 5 (01/04)
- Đề tài NCKH: số thứ tự 03, 04 trong mục 6 (02/04)

- Bài báo khoa học: Số thứ tự [10], [12], [17], [18], [23], [24], [26], [27], [28],[36], [39], [41], [45], [46] và [47] trong mục 7 (**15/47**)

- **Hướng Nghiên cứu 3.** Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Hiệu quả tổ chức (Organizational efficiency). Các vấn đề liên quan đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp/tổ chức, hiệu quả lên quan đến môi trường, xã hội trong hoạt động của các tổ chức/doanh nghiệp.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

- Hướng dẫn + NCS: số thứ tự 01 trong mục 4 (01/01)
+ ThS: số thứ tự 02 và 05 trong mục 4 (02/04)
- Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 03 và 04 trong mục 5 (02/04)
- Đề tài NCKH: số thứ tự 02 trong mục 6 (01/04)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [01], [04], [07], [08], [14], [20], [22], [25], [30], [31],[32], [42] và [44], trong mục 7 (**13/47**)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): **04** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **04** đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó UV làm Chủ nhiệm **04** đề tài);
- Đã công bố **47** bài báo khoa học, trong đó **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó UV là tác giả chính của **09** bài)
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

- **Thích V. Nguyen, Nam C. Nguyen, Ockie. B (2016)** Enhancing the competitive advantages of Vietnamese coffee through the exploration of causal loop modelling in the supply chain. *Int. J. Logistics Systems and Management*. Vol.26. No.1, page 17-33. (**12/2016**). (Scopus_Q2). IF=2.0

- **Thích V. Nguyen, Nam C. Nguyen, Ockie . B (2017)**. Identifying key success factors in Supply Chain Management for increasing the Competitive advantages of Vietnamese Coffee. *Competitiveness Review: An International Business Journal*. Vol. 27. No.5. pp.1-24, (**10/2017**). Tạp chí thuộc ESCI/Scopus Q2, IF=2.9.

- **Thích V. Nguyen, Hang T.T. Bui, Chi L. H. D (2022)**. The impacts of corporate social responsibility to corporate financial performance: A case study of Vietnamese commercial banks. *Cogent Economics & Finance*. Vol.10 No.1.pp.1-22, (**10/2022**). Tạp chí thuộc ESCI/Scopus Q3, IF=1.9.

- **Thích V. Nguyen, Chi H. Lu. (2023)** How Does Intellectual Capital Fuel Non-Interest Incomes in Banks? New Case from an Emerging Country. *Journal of Contemporary Eastern Asia*. Vol. 22 No. 1 pp 1-25. (1/2023). Tạp chí thuộc **ESCI/Scopus Q3, IF=1.5**.

- **Thích V. Nguyen (2023)**. Identification of key success factors of Vietnamese coffee export enterprises. *Polish Journal of Management Studies*. Vol 27. No 1, page 327-342. (5/2023). Tạp chí thuộc **ESCI/Scopus Q2, IF=1.9**.

- **Thích V. Nguyen, Chi H. Lu. (2023)**. Financial intermediation in banks and the key role of intellectual capital: new analysis from an emerging market. *Journal of Financial Services Marketing*. Online 2023. Vol 29, No. 2 page.508–522. (6/2024). Tạp chí thuộc **ESCI/Scopus Q2, IF=3**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021-2022. Theo quyết định số 1837/QĐ-ĐHNH, ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2022-2023, Theo quyết định số 2234/QĐ-ĐHNH, ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2023. Theo quyết định số 2082/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ngày 3 tháng 11 năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về phẩm chất đạo đức:

Là một Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ứng viên luôn kiên định đối với đường lối của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chấp hành nghiêm túc quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Về công việc, ứng viên luôn có tinh thần thái độ tích cực, tự giác trong công việc, tự nâng cao kiến thức về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác thông qua các lớp tập huấn, các lớp bồi dưỡng, nghiên cứu tài liệu, tham khảo đồng nghiệp để đáp ứng yêu cầu của một giảng viên đại học. Trong quá trình công tác, bản thân ứng viên luôn nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Cụ thể

- **Về công tác giảng dạy:** Với vai trò là giảng viên kiêm nhiệm Phó viện trưởng, theo sự phân công của Nhà trường, Khoa chuyên môn, ứng viên đảm nhận giảng dạy ở cả bậc Đại học và Sau đại học. Ở bậc Đại học, ứng viên giảng dạy các học phần Đạo đức Kinh doanh và văn hóa Doanh nghiệp, Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chuỗi cung ứng và được giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ở bậc sau đại học, ứng viên giảng dạy cả ở bậc Cao học và NCS tiến sĩ. Các học phần giảng dạy ở bậc Cao học bao gồm Quản trị marketing nâng cao, Lãnh đạo và quản lý và học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao. Học phần tham gia giảng dạy ở chương trình NCS Tiến sĩ là Phương pháp Nghiên

cứ khoa học nâng cao. Dù giảng dạy ở bất cứ bậc nào, ứng viên cũng luôn nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật nội dung, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- **Về nghiên cứu khoa học:** Với vai trò quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và tham gia trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ KH&CN được nhà Trường giao phó; chủ động tìm tòi, nghiên cứu các hướng mới. Ứng viên cũng tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thực hiện đề tài NCKH để tham gia các hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước. Ứng viên đã công bố được 47 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Ứng viên đã tích cực tham gia thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp trong đó chủ nhiệm 4 đề tài cấp cơ sở và đã được bảo vệ thành công, 02 đề tài quốc tế (01 đề tài do Đại sứ quán Úc tại Việt Nam cấp cho cựu học viên theo chương trình học bổng Ausaid và 01 đề tài do tổ chức Asian Pacific Networks for Global Change Research (APN) tài trợ).

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Ứng viên đã tham gia đào tạo từ trình độ đại học chính thức từ năm 2021 tới nay. Do đó tổng số thời gian ứng viên tham gia đào tạo và bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên tính đến 60 tháng 6 năm 2024 là 23 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	0	0			180	60	240/369/81
2	2019-2020	0	0	1		135	60	195/432/81
3	2020-2021	0	0	3		225	60	285/454.5/81
03 năm cuối								
4	2021-2022	0	0	0		135	120	255/544.5/81
5	2022-2023	1	0	0		135	60	195/315/81
6	2023-2024					90	120	210/432/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: Chương trình liên kết giữa Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Việt Nam) và trường Đại học Liège (Vương quốc Bỉ) năm 2010. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh

- **Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Australia (Úc), năm 2017. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Thị Thu Hằng	X		X		2020-2023	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 17/04/2023, số vào sổ cấp bằng 01/2023/TCNH/0124, số hiệu D0071
2	Trần Đức Thành		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 15/10/2020, số vào sổ cấp bằng 77/QTKD, số hiệu M00347
3	Nguyễn Phương Tường Lan		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 05/01/2021, số vào sổ cấp bằng 101/QTKD, số hiệu M00597
4	Nguyễn Thị Hương Thủy		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 05/01/2021, số vào sổ cấp bằng

							hàng TP.HCM	113/QTKD, số hiệu M00609
5	Nguyễn Đình Thi		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 05/01/2021, số vào sổ cấp bằng 111/QTKD, số hiệu M00607

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS/TS							
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Quản trị chuỗi cung ứng	GT	NXB Lao động 2022	3	Chủ biên	Biên soạn từ chương 1 đến chương 4, từ trang 1 đến trang 134	Giấy Xác nhận số 689a/GXN-ĐHNH ngày 24/05/2024
2	Quản trị sự thay đổi	TK	NXB Lao động 2022	4	Đồng chủ biên	Biên soạn từ chương 6, 7 và phần II, từ trang 132 đến trang 198	Giấy Xác nhận số 689a/GXN-ĐHNH ngày 24/05/2024
3	Một số vấn đề về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với hiệu quả tài chính: Tiếp cận thực tiễn từ các Ngân hàng thương mại Việt Nam	CK	NXB Lao động 2023	2	Đồng chủ biên	Biên soạn từ chương 1-3 từ trang 4 - 40; và chương 5, 6 và 10 từ trang 49-65; 175-208	Giấy Xác nhận số 689a/GXN-ĐHNH ngày 24/05/2024
4	Lý thuyết xây dựng mô hình vườn ươm khởi nghiệp: ứng dụng thực tiễn tại Đắk Lắk	CK	NXB Lao động 2023	2	Đồng chủ biên	Biên soạn từ chương 1-2 từ trang 1 - 115; và chương 5 từ trang 212-217	Giấy Xác nhận số 775/GXN-ĐHNH ngày 13/06/2024

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Đánh giá tác động của hội nhập kinh tế đến tiêu thụ cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	CN	1260 Cấp cơ sở	10/2007- 10/2008	22/10/2008 Xếp loại: Đạt
II Sau khi được công nhận TS					
2	Những yếu tố tác động đến tăng trưởng doanh nghiệp nhỏ tại TP.HCM	CN	CT-1804-104 Cấp cơ sở	4/2018- 9/2019	16/8/2019/ Xếp loại: Xuất sắc
3	Nhận thức rủi ro của người tiêu dùng về sản phẩm rau an toàn ở các nước Đông Dương	CN	CT-2105-146 Cấp cơ sở	8/2021- 2/2022	17/01/2022 Xếp loại: Xuất sắc
4	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng sử dụng dịch vụ Logistics tại Tp. Hồ Chí Minh	CN	CT-2404-248 Cấp cơ sở	3/2024- 6/2024	4/6/2024 Xếp loại: Giỏi

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								

A	Tạp chí quốc tế							
1	A Systems Thinking Approach to Address the Complexity of Agribusiness for Sustainable Development on Africa: A Case Study in Ghana https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/sres.2270	4		Systems Research and Behavioral Science ISSN: 1092-7026 https://doi.org/10.1002/sres.2270	Scopus (Q2), SSCI, IF=2.7	89	Vol.32 No. 6 pp. 672-688	2/2014
2	Contribution of the systems thinking approach to reduce production cost and improve the quality of Vietnamese coffee https://www.inderscience.com/offers.php?id=70272	3	Tác giả chính <i>(Tác giả đứng đầu và liên hệ)</i>	Int J. Markets and Business Systems. ISSN: 2056-4112 eISSN:2056-4120 https://doi.org/10.1504/IJMABS.2015.070272	NXB Inderscience	14	Vol. 1 No. 1 pp. 53-69	07/2015
3	Coffee processing management to increase green coffee quality: a systems thinking approach https://www.inderscienceonline.com/doi/abs/10.1504/IJMABS.2015.073518?journalCode=ijmabs	3	Tác giả chính <i>(Tác giả đứng đầu và liên hệ)</i>	Int J. Markets and Business Systems ISSN: 2056-4112 eISSN:2056-4120 https://doi.org/10.1504/IJMABS.2015.073518	NXB Inderscience		Vol. 1 No. 3 pp. 181-195	12/2015
4	Applying a systems thinking approach to address the barriers affecting the Vietnamese coffee export industry https://ejournals.org/ijbm/vol-3issue-4-may-2015/applying-a-systems-thinking-approach-to-address-the-barriers-affecting-the-vietnamese-coffee-export-industry/	3	Tác giả chính <i>(Tác giả đứng đầu và liên hệ)</i>	International Journal of Business and Management Review ISSN: 2052-6393 eISSN:2052-6407	IF=8.72	4	Vol. 3 No. 4 pp. 49-65	5/2015
5	A Bayesian Belief Network Analysis of Factors Influencing the	1	Tác giả chính	British Journal of Marketing Studies ISSN: 2053-4043	IF=6.8		Vol. 4 No.4 pp. 16-27	07/2016

	Propensity to Vietnamese Coffee https://ejournals.org/bjms/vol-4-issue-4-july-2016/bayesian-belief-network-analysis-factors-influencing-propensity-vietnamese-coffee-export/		(Tác giả đứng đầu và liên hệ)	eISSN:2053-4051				
6	Enhancing the competitive advantages of Vietnamese coffee through the exploration of causal loop modelling in the supply chain https://www.inderscienceonline.com/doi/epdf/10.1504/IJLSM.2017.080629	3	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	Int. J. Logistics Systems and Management ISSN: 1742-7967 eISSN:1742-7975 https://doi.org/10.1504/IJLSM.2017.080629	Scopus (Q2)	14	Vol. 26. No. 1 pp. 17-33	12/2016
B Tạp chí trong nước								
7	Thị trường xuất khẩu cà phê Đắk Lắk và giải pháp mở rộng thị trường rộng những năm tới.	1	Tác giả chính	Tạp chí kinh tế phát triển. ISSN: 1859-0012			Số đặc san tháng 10, trang 53-56	10/2007
8	Vấn đề giới với phát triển kinh tế hộ ở người M'Nông tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông qua một cuộc điều tra	2		Tạp chí kinh tế phát triển. ISSN: 1859-0012			Số đặc san tháng 10, trang 76-85	10/2007
C Hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia								
II Sau khi được công nhận TS								
A Tạp chí quốc tế								
9	Identifying Key Success Factors in Supply Chain Management for increasing the Competitive Advantages of Vietnamese Coffee https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/CR-10-2016-0066/full/html	3	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	Competitiveness Review: An International Business Journal ISSN: 1059-5422 https://doi.org/10.1108/CR-10-2016-0066	Scopus/ ESCI (Q2) IF=2.9	11	Vol. 27. No.5 pp.1-24	10/2017
10	Consumers' risk perception of vegetables in	10	Tác giả chính	APN Science Bulletin		7	Vol. 10. No.1	09/2020

	Southeast Asia: Evidence from Laos, Cambodia, and Vietnam https://www.apn-gcr.org/bulletin/article/consumers-risk-perception-of-vegetables-in-southeast-asia-evidence-from-laos-cambodia-and-viet-nam/		(Tác giả đứng đầu)	e-ISSN: 2522-7971 https://doi.org/10.30852/sb.2020.1130			pp.61-66	
11	Achieving sustainable competitive advantages for Vietnamese small and medium sized enterprises: a system thinking approach https://ijsser.org/2022files/ijsser_07_215.pdf	1	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	International Journal of Social Science and Economic Research ISSN: 2455-8834 https://doi.org/10.46609/IJSSER.2022.v07i10.001			Vol.07 No.10 pp. 3215 - 3232	10/ 2022
12	The impacts of corporate social responsibility to corporate financial performance: A case study of Vietnamese commercial banks https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23322039.2022.2132642	3	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	Cogent Economics & Finance ISSN: 2332-2039 https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2132642	ESCI, IF=1.9 Scopus Q3	5	Vol.10 No.1 pp.1-22	10/2022
13	How Does Intellectual Capital Fuel Non-Interest Incomes in Banks? New Case from an Emerging Country http://koreascience.or.kr/article/JAKO202315853485347.pdf	2	Tác giả chính (Tác giả liên hệ)	Journal of Contemporary Eastern Asia ISSN: 2383-9449 https://doi.org/10.17477/jcea.2023.22.1.001	ESCI Scopus Q3		Vol. 22 No. 1 pp 1-25	06/2023
14	Corporate Social Responsibility and Financial Performance: An Empirical Study on Vietnam Commercial Banks https://www.rajournals.in/index.php/ijmei/article/view/1137	2	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	International Journal of Management and Economics Invention ISSN: 2395-7220			Vol. 9 No.4 pp. 2868-2878	04/2023

15	Distribution of Deposit Intermediation: Do Investments in Technology and Intellectual Capital Matter? http://koreascience.or.kr/article/JAKO202311651936624.page	2	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu)	Journal of Distribution Science ISSN:1738-3110 eISSN:2093-7717 https://doi.org/10.15722/jds.21.04.202304.69	Scopus Q4 IF=1.0		Vol. 21 No.4 pp.69-80	04/2023
16	Identification of key success factors of Vietnamese coffee export enterprises https://pjms.zim.pcz.pl/resources/html/article/details?id=611227	1	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	Polish Journal of Management Studies ISSN: 2081-7452 DOI: 10.17512/pjms.2023.27.1.19	Scopus Q3 IF=1.9		Vol. 27 No. 1 pp 327-342	05/2023
17	Factors Affecting the Intention to Distribute in Sort Plastic Waste of Vietnamese People: A Case Study in Ho Chi Minh City http://koreascience.or.kr/article/JAKO202323540312182.page	2	Tác giả chính (Tác giả liên hệ)	Journal of Distribution Science ISSN: 1738-3110 eISSN:2093-7717 https://doi.org/10.15722/jds.21.08.202308.35	Scopus Q4 IF=1.0		Vol. 21 No. 8 pp.35-45	08/2023
18	Perception, Intention, and Buying Behavior of Vietnamese Consumers of Organic Food Products http://jonuns.com/index.php/journal/article/view/1424	1	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu và liên hệ)	Journal of Human University Natural Sciences ISSN: 1674-2974 https://doi.org/10.55463/issn.1674-2974.50.8.1	Scopus Q2		Vol. 50 No. 8 pp.1-14	08/2023
19	Financial intermediation in banks and the key role of intellectual capital: new analysis from an emerging market https://link.springer.com/article/10.1057/s41264-023-00220-0	2	Tác giả chính (Tác giả đứng đầu)	Journal of Financial Services Marketing ISSN: 1363-0539 eISSN:1479-1846 https://doi.org/10.1057/s41264-023-00220-0	Scopus Q2 ESCI IF=3.0		Vol 29, No. 2 pp.508–522	06/2024
B Tạp chí trong nước								

20	Nhận dạng vấn đề quản trị rủi ro doanh nghiệp thông qua cách tiếp cận tư duy hệ thống	1	Tác giả chính	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682		Số 152, trang 88-101	11/2018
21	Các yếu tố ảnh hưởng đến thành công trong kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính	Tạp chí phát triển khoa học & công nghệ: chuyên san kinh tế - luật và quản lý ISSN: 2588-1051		Tập 2 Số 4, trang 46-53	12/2018
22	Những yếu tố tác động đến tăng trưởng của loại hình doanh nghiệp nhỏ tại thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 166+167, trang 86-104	01+02/2020
23	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 171, trang 53-67	06/2020
24	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ logistic khu vực Đông Nam Bộ	2	Tác giả chính	Tạp chí tài chính - cơ quan thông tin lý luận và nghiệp vụ của ngành tài chính ISSN: 2615-8973		Số 731, trang 113-115	06/2020
25	Áp dụng mô hình chuỗi cung ứng năng động trong các ngành công nghiệp tại Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 174, trang 5-17	09/2020
26	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay trở lại điểm du lịch Bình Quới của du khách nội địa	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển. ISSN: 2588-1205 eISSN: 2615-716		Tập 130, Số 5C, trang 5-20	7/2021
27	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sẵn sàng chi trả cho thực phẩm an toàn của người tiêu dùng Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 192, trang 91-102	03/2022
28	Nhận thức về an toàn thực phẩm và tác động của nó tới hành vi của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 197, trang 94-108	08/2022

29	Vai trò phát triển vốn trí tuệ đối với tăng trưởng cho vay của các ngân hàng thương mại Việt Nam	3		Tạp chí Ngân hàng ISSN: 2815-6048		Số 20, trang 8-14	10/2022
30	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kỹ nghệ Gỗ Hoa Nét - Bình Dương	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 199, trang 86- 101	10/2022
31	Độ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: thực trạng và hàm ý chính sách	3		Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		Số 625, trang 22- 24	12/2022
32	Tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam: Khả năng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thích ứng với những cơ hội và thách thức	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 201, trang 74- 87	12/2022
33	Vai trò của vốn trí tuệ và nền kinh tế sáng tạo đối với năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững quốc gia	3		Tạp chí Ngân hàng ISSN: 2815-6064		Số 5, Trang 12- 17	2023
34	Tạo nguồn cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên: thực trạng và những khuyến nghị cho tỉnh Đắk Nông	3		Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		Số 630, trang 28- 30	03/2023
35	Phát triển Mobile money: nắm bắt cơ hội hiện tại và hướng đến mục tiêu dài hạn trong tương lai	3		Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		Số 633, trang 90- 92	04/2023
36	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của tiếp viên hàng không với hãng hàng không Vietnam Airlines	1	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		Số 205, trang 80- 92	04/2023
37	Công nghệ Blockchain và sự định hình lại mô hình kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng	2	Tác giả chính	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 2815-6048		Số 11, trang 10- 15	06/2023
38	Vai trò công nghệ và vốn xã hội với chiến lược hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam: tiếp cận từ các nhà cung ứng	1	Tác giả chính	Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế ISSN: 2615-9848		Số 157, trang 17- 36	08/2023
39	Đề xuất mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa cảm nhận chất lượng thực tế ảo	2		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972		Số 02, trang 80- 84	1/2024

	và thực tế ảo tăng cường ảnh hưởng đến ý định du lịch							
40	Tác động của mạng lưới mối quan hệ đến quá trình quốc tế hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp Chí Khoa Học Đại Học Mở thành phố Hồ Chí Minh – Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh e-ISSN: 2734-9578			Số 19(3), trang 50-65	3/2024
41	Đề xuất mô hình nghiên cứu vai trò trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giải thích trong cá nhân hóa nội dung quảng cáo tác động đến quyết định mua hàng của khách hàng trên nền tảng mạng xã hội	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Số đặc biệt tháng 04, trang 100-104	4/2024
C Hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia								
42	Analyzing factors affecting risk Management of Commercial Banks in Ho Chi Minh city-Vietnam https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-04200-4_79	4		Studies in Computational Intelligence (809) Online ISBN 978-3-030-04200-4 https://doi.org/10.1007/978-3-030-04200-4_79	Scopus Q4		SCI 809, Trang 1084-1091	2019
43	Digital technology, cybersecurity issue and banking stability: Why managers in Vietnamese banks should concern	2		Proceedings the International Conference on Business Based on Digital Platform BDP-2 ISBN: 978-604-79-3353-2			Trang 473-478	2022
44	Non-interest incomes of commercial banks: why managers need to accelerate the integration between technological development and knowledge-based management	2		Proceedings the International Conference on Business Based on Digital Platform BDP-3 ISBN: 978-604-79-4008-0			Trang 495-502	2023

45	Nhận thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc tiếp cận các dịch vụ tài chính được cung cấp bởi các Ngân hàng thương mại ở TP. HCM	2	Tác giả chính	Hội thảo quốc gia Cải cách hành chính ngành Ngân hàng: Doanh nghiệp và người dân thuận lợi trong giao dịch Ngân hàng ISBN: 978-604-922-723-3		Trang 229-239	2019
46	Công nghệ số trong phát triển du lịch: Nhìn từ thực tiễn du lịch thực tế ảo ở Việt Nam	2		Hội thảo quốc gia thúc đẩy chuyển dịch xanh, bao trùm ở Việt Nam		Trang 307-318	2023
47	Factor affecting the perceived quality of virtual reality and augmented reality in tourism the case of Vietnam	3		The International Conference on Economic – ICE 2024 ISBN: 978-604-346-271-5		Trang 812-831	2024

- Trong đó:

+ **Trước khi** được cấp bằng **Tiến sĩ**, ứng viên có **02** bài báo, các số thứ tự **[1]** và **[6]** đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín ISI/SCOPUS (trong có **01** bài ứng viên là tác giả chính, số thứ tự **[6]**)

+ **Sau khi** được cấp bằng **Tiến sĩ**, ứng viên có **09** bài báo, các số thứ tự **[9]**, **[12]**, **[13]**, **[15]**, **[16]**, **[17]**, **[18]**, **[19]**, và **[43]** đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín ISI/SCOPUS (trong đó có **08** bài ứng viên là tác giả chính (*tác giả đầu/tác giả liên hệ*) bao gồm các số thứ tự **[9]**, **[12]**, **[13]**, **[15]**, **[16]**, **[17]**, **[18]**, và **[19]**).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Ban sửa đổi, bổ sung Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh	Tổ trưởng tổ Thư ký	Quyết định ban hành Số 673/QĐ-ĐHNH ngày 15/5/2018	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Số 552/QĐ-ĐHNH, ngày 16 tháng 3 năm 2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



NGUYỄN VĂN THÍCH